

An Giang, ngày 28 tháng 10 năm 2018

## **BÁO CÁO THAM LUẬN**

Kinh nghiệm thành công trong hỗ trợ phát triển thị trường tích tụ tập trung đất sản xuất nông nghiệp tại tỉnh An Giang

Trong 10 năm qua, sản xuất nông nghiệp tuy gặp nhiều bất lợi nhưng vẫn có bước tăng trưởng khá và tiếp tục khẳng định vai trò nền tảng thúc đẩy kinh tế phát triển. Giai đoạn 2008 - 2017, tăng trưởng nông nghiệp đạt 2,29%/năm, không đạt được theo mục tiêu của Kế hoạch số 18-KH/TU (4 - 4,5%/năm), tuy nhiên có những năm tăng trưởng rất cao như năm 2010 là 4,42%; năm 2011 là 6,11%. Giá trị sản xuất nông nghiệp trên 01 ha năm 2017 đạt 173 triệu đồng/ha (tăng gần 90 triệu đồng/ha so năm 2010).

Năm 2013, tỷ trọng nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản của tỉnh An Giang chiếm 33,65%, bình quân đầu người đạt 32,58 triệu đồng, đến năm 2017 lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng còn 31,13%, bình quân đầu người đạt 34,33 triệu đồng

### **1. Điểm qua thực trạng phát triển nông nghiệp tại An Giang trong 2 năm gần đây.**

Thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy về phát triển nông nghiệp bước đầu đã đạt được những kết quả nhất định của toàn ngành nông nghiệp, trong 02 năm đầu của Chương trình là tập trung cho việc kiến tạo nên các chủ trương, chính sách đột phá quan trọng (như Đề án tạo Quỹ đất) tạo tiền đề và nền tảng vững chắc lâu dài để thu hút các thành phần kinh tế và người dân tham gia đầu tư cho phát triển nông nghiệp, ngoài ra Chương trình cũng tập trung cho việc xây dựng các Kế hoạch như: Kế hoạch chuyển dịch cơ cấu cây trồng từ lúa sang rau màu và cây ăn trái; Tái cơ cấu ngành hàng lúa gạo, Phát triển thủy sản bền vững), các Đề án như: Đề án giống cá tra 3 cấp chất lượng cao, Đề án phát triển thương hiệu gạo, Đề án củng cố nâng chất HTX/THT, phát triển kinh tế tập thể và các Dự án lớn của ngành nhằm vạch ra định hướng chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, cơ cấu lại các sản phẩm phù hợp với quy luật cung - cầu và lợi thế của tỉnh, làm cơ sở, tiền đề triển khai các năm tiếp theo, kết quả cụ thể các chỉ tiêu đạt được như sau:

| STT | Nội dung các chỉ tiêu                                                                                     | ĐVT          | 2016            | 2017           | Ước 2018       | KH 2020                       |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|-----------------|----------------|----------------|-------------------------------|
| 1   | <b>Nhóm các chỉ tiêu chung về tăng trưởng</b>                                                             |              |                 |                |                |                               |
| -   | GDP KVI                                                                                                   | %            | 0,6             | 1,6            | 2,25           | 2,71                          |
| -   | Giá trị SX B/q/01 ha đất nông nghiệp (Bao gồm TT và TS)                                                   | Triệu đồng   | 144             | 158            | 170            | 192                           |
| 2   | <b>Nhóm các chỉ tiêu theo từng lĩnh vực</b>                                                               |              |                 |                |                |                               |
| -   | Kim ngạch xuất khẩu gạo đến 2020 đạt                                                                      | Triệu USD    | 200             | 209            | 250            | 1.400 (lũy kế)                |
| -   | Kim ngạch xuất khẩu thủy sản đến 2020 đạt                                                                 | Triệu USD    | 253             | 255            | 270            | 2.200 (lũy kế)                |
| -   | Kim ngạch xuất khẩu rau quả đông lạnh                                                                     | Triệu USD    | 14,8            | 13,6           | 13,5           | 70 (lũy kế)                   |
| -   | Tạo quỹ đất công để thu hút doanh nghiệp đầu tư                                                           | ha           | 859             | 850            | 900            | 1.000 - 2.000                 |
| -   | Thu hút doanh nghiệp có vốn đầu tư từ 100 tỷ đồng trở lên                                                 | Doanh nghiệp | 16              | 18             | 21             | 5 - 10                        |
| -   | Tỷ lệ diện tích gieo trồng lúa, nếp có liên kết theo tiêu chí cánh đồng lớn                               | %/tổng DTGT  | 6.5             | 7,6            | 8,8            | 10 -20                        |
| -   | Chuyển dịch cơ cấu cây trồng từ đất lúa sang màu, cây ăn trái                                             | Nghìn ha     | 6,3             | 9,6            | 6,7            | 20 - 23                       |
| -   | Hộ chăn nuôi sẽ chuyển sang chăn nuôi theo phương thức trang trại, công nghiệp, bán công nghiệp, gia trại | %, (hộ)      | 0,43 % (800 hộ) | 0,43% (850 hộ) | 0,46% (910 hộ) | 3 - 5 % (từ 1.200 – 2.000 hộ) |
| -   | Diện tích mặt nước nuôi cá tra và thủy sản có tiềm năng khác                                              | ha           | 954             | 832            | 900            | 1.000– 1.430                  |

## 2. Thực trạng và khó khăn phát triển thị trường tích tụ tập trung đất nông nghiệp

Tích tụ, tập trung đất đai để phát triển sản xuất nông nghiệp quy mô lớn là xu thế tất yếu để tăng trưởng bền vững trong nông nghiệp, đủ sức cạnh tranh thị trường, đem lại hiệu quả và đời sống cho người làm nông nghiệp. Tuy nhiên, tích tụ tập trung đất đai là vấn đề lớn, phức tạp do lịch sử để lại gắn với phong tục tập quán nông dân lâu đời. Cần có hệ thống chính sách, pháp luật cụ thể đồng bộ mới có thể thúc đẩy được quá trình tích tụ đất đai.

### 2.1. Thực trạng tích tụ đất đai và tác động từ chính sách.

Đề khai thác nguồn lực đất đai, trong nhiều năm qua đất đai được tập trung khai hoang, phục hóa đưa vào khai thác sử dụng và đã giao đất, cấp GCNQSDĐ cho hộ nông dân. An Giang đã cấp trên 97% đất nông nghiệp, tạo điều kiện về vốn rất lớn cho sản xuất nông nghiệp, giúp An Giang có thời kỳ tăng trưởng rất cao trong lĩnh vực nông nghiệp.

Đất nông nghiệp ở An Giang khá manh mún, Số liệu thống kê đất đai năm 2018, cho thấy tổng số có 318.128 hộ với diện tích 283.066 ha, trung bình 8000m<sup>2</sup>/hộ. Số hộ sử dụng đất quy mô dưới 3ha chiếm 95%; trên 3ha chiếm 5 %, số hộ có từ 30ha trở lên chiếm 0.01%. Nếu so sánh với số liệu năm 2010 thì việc tích tụ đất đai có chiều hướng gia tăng. Số hộ có diện tích từ 3ha trở lên tăng từ 3.2% lên 5.0 % năm 2017.

Trong gần 10 năm, tỷ lệ tăng trong tích tụ đất đai cho thấy còn rất thấp, việc tích tụ có tác động bởi yếu tố sản xuất, yếu tố thị trường là chính. Chưa có các chính sách đặc thù tác động trực tiếp đến quá trình tích tụ đất đai. Luật Đất đai sửa hạn mức nhận chuyển nhượng lên 10 lần (30ha) nhưng thực tế mức tích tụ trên 30ha chiếm con số quá nhỏ.

## ***2.2.Những khó khăn hiện nay về tích tụ tập trung đất đai.***

Tích tụ đất đai là quá trình chuyển dịch về quyền sử dụng đất, nó mang yếu tố thị trường rất lớn. Người nông dân và doanh nghiệp nông nghiệp đều phải tính toán lợi ích cho mình. Thực tiễn cho thấy ở cả 2 phía doanh nghiệp (hoặc hộ có nhu cầu đất lớn) và người nông dân có đất đai quy mô nhỏ, manh mún sản xuất không hiệu quả đều có khó khăn.

-Người nông dân có đất ít, sản xuất không hiệu quả nhưng không muốn chuyển nhượng hẳn quyền sử dụng do chưa ổn định trong chuyển đổi nghề, nông nghiệp vẫn là nguồn sống tối thiểu cho những người già. Ngoài ra chuyển nhượng đất đai của hộ còn phụ thuộc vào ý chí của cả hộ. Nếu có điều kiện về giá cả, thì đa số cũng chỉ muốn cho thuê lại (chứ không “bán”), đa phần là muốn cho thuê ngắn hạn 3-5 năm, người dân còn tâm lý chưa chắc chắn về pháp lý khi cho thuê dài hạn. Rõ ràng, để người dân yên tâm giao đất cho người khác sử dụng phụ thuộc rất lớn vào việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động của mỗi địa phương.

-Đối với doanh nghiệp nông nghiệp, tạo quỹ đất cho cả dự án cần khoản tài chính không nhỏ; phải thương lượng với quá nhiều hộ để có đất đủ cho dự án là rất khó và sẽ rất dài, khó đảm bảo cho các quan hệ tín dụng; còn tâm lý rất sợ phát sinh các vụ kiện cáo, tranh chấp dân sự trong việc thương lượng về thuê đất

với nông dân; giải pháp về nông dân góp vốn bằng đất đai, lao động không hấp dẫn và khó đối với doanh nghiệp;

### **3. Những yếu tố cần thiết để phát triển tập trung đất nông nghiệp**

#### **3.1. Về cơ chế chính sách**

- Xem xét sửa đổi một số luật liên quan (luật đất đai, luật ngân sách) hoặc giao cho địa phương chủ động về nguồn quỹ phát triển quỹ đất.

- Giao tính chủ động cho các địa phương trong việc sử dụng kinh phí bảo vệ đất trồng lúa (giữ đất lúa) tại Nghị định 35/2015/NĐ-CP và phân cấp cho Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét quyết định các dự án có sử dụng nhiều hơn 10 ha đất lúa.

- Chính sách hỗ trợ chuyển dịch + liên kết tiêu thụ + hỗ trợ vốn từ ngân hàng.

- Các Bộ ngành TW sớm ban hành Thông tư hướng dẫn Nghị định 57/2018/NĐ-CP về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

#### **3.2. Thu hút mời gọi, doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.**

- Để thu hút mời gọi các doanh nghiệp, tập đoàn lớn đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh, ngoài nhiệm vụ phải xây dựng tổng thể ngành nông nghiệp đến năm 2020 và tầm nhìn 2030, quy hoạch các vùng chuyên canh sản xuất hàng hoá ứng dụng công nghệ cao đến năm 2025, kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng có giá trị gia tăng cao mang lợi thế của tỉnh, và áp dụng tối đa các chính sách của Trung ương để hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã chủ động tìm kiếm, giải thích những lợi ích và thuyết phục doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường, các địa phương triển khai có hiệu quả Đề án tạo quỹ đất của tỉnh bằng nhiều hình thức để có quỹ đất tương đối phù hợp đáp ứng nhu cầu đầu tư của từng doanh nghiệp. Qua đó đã thu hút được nhiều doanh nghiệp trong, ngoài tỉnh và các doanh nghiệp nước ngoài đến tìm hiểu, ký biên bản ghi nhớ và đăng ký đầu tư trên địa bàn tỉnh như: Tập đoàn Sunrice, Tập đoàn Tân Long, Tập đoàn Việt Úc, Tập đoàn TH True Milk, Tập đoàn FLC, Tập đoàn Xuân Thiện, Tập đoàn Tiran (Israel), Tập đoàn Sunrice (Australia), Công ty TNHH Chế biến nông sản Thuận Phong, Công ty TNHH Đầu tư thương mại Vương Đình, Công ty Sejun Hàn Quốc, Công ty Cổ phần Avi Nutrition Corp, Công ty TNHH Lộc Kim,

Công ty CP Nam Việt, Công ty Cổ phần Bê tông 620 Châu Thới, Công ty CP Gentraco, Công ty CP giống cây trồng, con nuôi Ninh Bình...

- Nhằm phát huy tốt hơn nữa trong thu hút mời gọi doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao góp phần thực hiện thắng lợi chương trình phát triển nông nghiệp của tỉnh ủy đến năm 2025, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề xuất năm giải pháp cần quyết liệt thực hiện trong thời gian tới như sau (1) *Quy hoạch gắn với nhu cầu thị trường* (2) *Đẩy mạnh ứng dụng Khoa học & Công nghệ vào nông nghiệp*(3)*đổi mới hình thức tổ chức sản xuất ở địa phương*(4) *Chủ động mời gọi, tạo quỹ đất, ưu tiên nguồn lực khuyến khích đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn*(5) *tuyên truyền - Quảng bá lợi thế điều kiện tự nhiên, kinh tế nông nghiệp, nguồn nhân lực và tính minh bạch, thủ tục hành chính và các chính sách của tỉnh hỗ trợ đầu tư nông nghiệp, nông thôn, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.*

### **3.3. Đào tạo việc làm và chuyển dịch lao động nông thôn gắn xây dựng nông thôn mới:**

- Tăng cường phối hợp với hiệp hội doanh nghiệp, các khu công nghiệp và các đơn vị có liên quan thực hiện hiệu quả Đề án “Đào tạo lao động có tay nghề đáp ứng yêu cầu doanh nghiệp tỉnh An Giang giai đoạn 2018 - 2020”; Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh An Giang, gắn đào tạo nghề lao động nông thôn vào Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Đào tạo nghề nghiệp gắn với giải quyết việc làm, đẩy mạnh thực hiện cơ chế đào tạo nghề theo đơn đặt hàng của người sử dụng lao động, đặc biệt là doanh nghiệp để giải quyết đầu ra sau đào tạo.

- Đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới và quá trình đô thị hóa một cách hợp lý, phù hợp với tình hình thực tiễn. Trong đó, tập trung phát triển sản xuất, ưu tiên thúc đẩy hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động, kinh tế nông thôn; trong đó, tập trung chỉ đạo thực hiện Đề án “Mỗi xã một sản phẩm”. Đổi mới phương thức thực hiện và nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn theo hướng gắn đào tạo nghề với triển khai các mô hình dự án phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị.

### **4. Những khó khăn, thách thức để phát triển thị trường tích tụ đất nông nghiệp để thu hút mời gọi cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp, tập đoàn đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.**

- Giá đất bồi thường hoặc nhận chuyển nhượng trên địa bàn tỉnh An Giang còn cao so với các tỉnh lân cận nên ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp, thêm vào đó việc xác định giá bồi thường đất để thực hiện dự án đầu tư vào nông nghiệp thường ở mức cao và có xu hướng đội giá, làm giá gây khó khăn cho doanh nghiệp. Doanh nghiệp còn khó khăn trong việc tiếp cận với nông dân để tạo quỹ đất quy mô lớn và khó khăn khi đàm phán và thống nhất giá và phương thức thuê đất.

- Cơ chế chính sách của trung ương phục vụ cho hoạt động phát triển nông nghiệp, nông thôn và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao chưa đồng bộ, chưa đầy đủ và còn nhiều bất cập, chưa rõ ràng nên khó vận dụng vào thực tế hoặc khó đạt tiêu chí công nhận nên khó tiếp cận các gói tài chính ưu đãi từ trung ương, trong khi địa phương cũng chưa có chính sách đặc thù cho lĩnh vực này, các chế độ ưu đãi của tỉnh chưa thực sự tạo ra được sức thu hút đối với các nhà đầu tư cho phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Các quy định của Chính phủ, Bộ ngành trung ương về thủ tục đầu tư còn tồn nhiều thời gian ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận đầu tư của doanh nghiệp.

- Công tác phối hợp triển khai thực hiện quy hoạch, công tác đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch chưa tốt, chưa kịp thời, trách nhiệm phối hợp giữa các bên liên quan chưa chặt chẽ, thông tin chưa xuyên suốt từ đó việc tổ chức thực hiện còn nhiều bất cập, chưa đạt kết quả cao.

- Một số vùng giao thông thủy lợi nội đồng trong tỉnh đã và đang được đầu tư nhưng chưa đồng bộ và chưa hoàn thiện, nhất là hệ thống đê bao, cống bọng để phục vụ cho sản xuất nông nghiệp nói chung và chuyển dịch cơ cấu cây trồng nói riêng.

- Mặc dù một số gói tín dụng đã mở ra, tuy nhiên, vẫn còn khó khăn như:

+ Nguồn vốn theo quy định của Nghị định số 116/2018/NĐ-CP (trước đây là 55/2015/NĐ-CP) thì nhiều, nhưng thực tế chỉ dựa vào nguồn vốn huy động của ngân hàng với lãi suất cạnh tranh, vì thế nguồn vốn có lãi suất huy động thấp còn rất hạn chế.

+ Các NHTM cũng như các doanh nghiệp đầu tư vốn tín dụng vào lĩnh vực nông nghiệp có nhiều rủi ro nhưng thiếu cơ chế dự phòng xử lý rủi ro xảy ra, nhất là chính sách bảo hiểm nông nghiệp chưa được triển khai rộng rãi.

+ Tài sản hình thành từ các dự án trên đất nông nghiệp phục vụ cho chính hoạt động sản xuất nông nghiệp (nhà kính, nhà lưới,...) có giá trị đầu tư lớn nhưng không được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu tài sản trên đất, gây khó khăn cho doanh

ng nghiệp và ngân hàng trong việc định giá và nhận thế chấp tài sản bảo đảm cho khoản vay.

+ Việc công nhận vùng NN UDCNC mặc dù được phân cấp cho UBND tỉnh, thành phố công nhận theo Quyết định số 66/2015/QĐ-TTg ngày 25/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ, tại Điều 2 của quyết định này rất khó triển khai vì tiêu chí xác định vùng NN UDCNC diện tích phải liền vùng, liền thửa trong địa giới hành chính 1 tỉnh. Đồng thời, đối tượng sản xuất và quy mô của vùng là rất lớn.

## **5. Giải pháp thực hiện**

UBND tỉnh ban hành Đề án số 338/ĐA-UBND ngày 07/6/2017 về tạo quỹ đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh An Giang đến năm 2020 và Kế hoạch số 510/KH-UBND ngày 11/9/2017 về tạo quỹ đất phục vụ phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh năm 2017-2018, đặc biệt là Quyết định số 2259/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2018 của UBND tỉnh về phê duyệt Đề án khung pháp lý thu lại đất của người dân để thực hiện dự án nông nghiệp công nghệ cao trên địa bàn tỉnh, Trong đó:

### **\* Mục tiêu chính là:**

- Tạo quỹ đất nhằm mục đích chủ động quỹ đất trước để phân bổ cho các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh đã đề ra; tạo quỹ đất gắn với quản lý quy hoạch và bảo vệ môi trường; tăng thu ngân sách, khai thác tốt nguồn lực đất đai cho tăng trưởng; phát huy nguồn vốn ngoài ngân sách cho việc tạo quỹ đất và hỗ trợ cho nhà đầu tư triển khai dự án đầu tư sản xuất kinh doanh có hiệu quả trên địa bàn tỉnh.

- Tập trung ưu tiên tạo quỹ đất để đầu tư các khu cụm công nghiệp tập trung, đảm bảo nhu cầu chuyển đổi cơ cấu kinh tế và bảo vệ môi trường; đáp ứng quỹ đất kêu gọi đầu tư vào các lĩnh vực du lịch, nông nghiệp, dân cư đô thị, xử lý các vấn đề cấp bách về môi trường; tạo quỹ đất dự trữ xung quanh các công trình đầu tư công, tạo quỹ đất ở những vị trí có lợi thế nhưng hạ tầng kém, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất, đầu tư hạ tầng để làm tăng giá trị đất.

- Đa dạng nguồn vốn tạo quỹ đất, phát huy vốn doanh nghiệp, tiền sử dụng đất từ địa tô và giảm dần vốn ngân sách.

- Củng cố kiện toàn bộ máy, phát huy vai trò chính của Trung tâm phát triển quỹ đất trong cơ chế tạo quỹ đất. Triển khai việc tạo quỹ đất trên cơ sở vận dụng các quy định pháp luật và phù hợp với đặc thù của tỉnh.

**\* Đối với việc tạo quỹ đất thực hiện dự án nông nghiệp có quy mô lớn như sau:**

(1). Các trường hợp tạo quỹ đất:

- Tạo quỹ đất cho các Doanh nghiệp để triển khai dự án nông nghiệp khi có chủ trương đầu tư của UBND tỉnh.

- Tạo quỹ đất dự trữ bằng cách nhận chuyển nhượng đất nông nghiệp hoặc thuê các khu đất nhỏ lẻ, manh mún, sản xuất không hiệu quả của nông dân trên địa bàn tỉnh để tích tụ thành các khu đất lớn nhằm triển khai các dự án nông nghiệp theo dạng chuỗi giá trị, các dự án nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, phù hợp với xu thế sản xuất hàng hóa lớn.

- Việc tạo quỹ đất này chủ yếu áp dụng cho các dự án trong nội ngành nông nghiệp, doanh nghiệp cần quỹ đất lớn để triển khai các dự án trồng trọt, chăn nuôi.

- Dự án không phải chuyển sang mục đích phi nông nghiệp.

(2) Nguồn vốn thực hiện:

Vốn từ tạm ứng ngân sách, Vốn doanh nghiệp.

(3) Phương thức thực hiện chung:

- Doanh nghiệp khi có chủ trương đầu tư thuộc lĩnh vực nông nghiệp sẽ tự tạo quỹ đất bằng cách nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp hoặc thuê đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân để triển khai dự án hoặc thuê Trung tâm phát triển quỹ đất làm dịch vụ tạo quỹ đất cho doanh nghiệp.

- Trung tâm Phát triển quỹ đất chủ động tạo quỹ đất dự trữ theo quy hoạch phát triển nông nghiệp của tỉnh bằng hình thức nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp hoặc thuê dài hạn từ 20-30 năm trả tiền 01 lần đối với đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân để cho doanh nghiệp thuê lại triển khai dự án nông nghiệp./.

**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH AN GIANG**